Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2020
V/v "*Ly hôn, t/c về nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Xuân Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Ngọc Cúc

2. Bà Vũ Thị Hảo

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Kim Liên A, sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Tổ 12, Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1984;

Nơi cư trú: Số nhà 40A, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị A có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Kim Liên A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số

32/2011 ngày 06/9/2011. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, có 01 con chung. Nhưng từ năm 2015 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn về vấn đề tình cảm và tiền bạc. Vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến xung đột và không tôn trọng nhau. Vì không muốn gia đình đỗ vỡ, đã nhiều lần vợ chồng cùng ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do vậy đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn ly hôn với anh Trọng.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 08/10/2015, đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian đăng ký kết hôn, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Trần Kim Liên A trình bày là đúng. Sau khi kết hôn đến năm 2015, vợ chồng anh chị chung sống tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Đến giữa năm 2015, vợ chồng về phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai sinh sống cùng mẹ chị A. Đến tháng 3/2020 thì anh về nhà mẹ anh ở xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai để sinh sống tới nay.

Theo anh, vợ chồng anh chị chung sống có mâu thuẫn. Trước đây anh có theo bạn xấu rủ rê nên chơi cờ bạc dẫn tới nợ nần, anh sợ chị A biết sẽ buồn nên anh không nói với chị A, khi chị A biết thì giận anh và chửi anh. Do anh phải gom góp tiền trả nợ nên đi làm về chỉ đưa được cho chị A một số ít để mua sữa cho con, còn lại trả nợ. Chị A không hài lòng về chuyện này và thường xuyên tỏ thái độ khó chịu và thường xuyên gây sự để dẫn tới việc vợ chồng cãi vả nhau. Khi tranh cãi vợ chồng cũng chỉ lớn tiếng chứ không xúc phạm nhau. Vào tháng 4/2019, anh có tát chị A 01 cái do chị A có lời nói hỗn với mẹ chị A, ngoài ra anh không đánh chị A lần nào khác. Từ đầu năm 2019 cho tới nay thì mỗi khi anh hỏi thì chị A mới trả lời, chứ vợ chồng không nói chuyện bình thường với nhau. Vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 3/2020 tới nay, trong thời gian này anh thường xuyên tới nhà mẹ vợ để gặp chị A, hàn gắn tình cảm nhưng chị A không gặp anh. Từ khi chị A nộp đơn khởi kiện thì anh có nói chuyện được với chị A nhưng chị A không đồng ý cho anh cơ hội để hàn gắn. Mâu thuẫn của vợ chồng, gia đình hai bên có biết, cũng nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Mâu thuẫn của vợ chồng thì chính quyền địa phương không biết, do anh chị không trình báo và không yêu cầu hòa giải.

Anh xác định vẫn còn thương vợ, anh muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng, chăm sóc con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 08/10/2015. Hiện tại cháu Q đang do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải

quyết ly hôn thì anh giao cháu Q cho chị A nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị A đang làm công nhân, thu nhập bình quân mỗi tháng 6.000.000 đồng, đang ở cùng với mẹ tại địa chỉ: Tổ 12, Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm*:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầu đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị A không còn tình cảm với anh T. Đề nghị cho chị A được ly hôn với anh T; Về quan hệ con chung: Chị A, anh T có 1 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 08/10/2015. Đề nghị giao con chung cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị A phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên toà, chị Trần Kim Liên A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Căn cứ Điều 288 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Kim Liên A khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Thanh T, nơi cư trú: Số 40A, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Trần Kim Liên A là nguyên đơn, anh Nguyễn Thanh T là bị đơn; quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Kim Liên A và anh Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32/2011, quyển số 01/2011, ngày 06/9/2011. Căn cứ các Điều 9, 10, 11, 12, 13 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh T có giá trị pháp lý. Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ xét thấy tình trạng hôn nhân của chị A và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thể hiện qua lời trình bày của chị A và sự thừa nhận của anh T; chị A và anh T đã ly thân nhau từ tháng 3/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị A, anh T đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng không có kết quả do chị A không muốn đoàn tụ; trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần hòa giải để giúp chị A, anh T hàn gắn, đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc mặc dù anh T xác định vẫn còn thương yêu chị A, không đồng ý ly hôn nhưng chị A xác định không còn tình cảm với anh T, kiên quyết ly hôn. Căn cứ Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Trần Kim Liên A được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

[4]. Về con chung: Chị A và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 08/10/2015. Con chung đang do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Ý kiến của chị A đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T tự nguyện đồng ý nên ghi nhận. Do đó giao cháu Q cho chị A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Trần Kim Liên A phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003100 ngày 09/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 85, 87, 88, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 của

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Kim Liên A được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

[2]. Về quan hệ con chung: Chị A và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 08/10/2015. Con chung đang do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Q cho chị A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Kim Liên A phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003100 ngày 09/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Kim Liên A được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự (02);
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND xã Thiện Tân, H. Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn